

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4243 /NHNo-KDVTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính

**Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán  
- Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

**1. Thông tin về doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

- Tên viết tắt: Agribank

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/05/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.3772 2773

Fax: 024.3831 4069

Địa chỉ thư điện tử: headoffice@agribank.com.vn

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn/Tổ chức tín dụng

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Huy động vốn; Cho vay, bảo lãnh; Thanh toán trong nước; Thanh toán quốc tế; Dịch vụ thẻ; Treasury

- Mã số thuế: 0100686174

**2. Tình hình tài chính**

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

*ay* *smu*

TT	Chỉ tiêu	Kỳ trước (31/12/2023)	Kỳ báo cáo (31/12/2024)
1	<b>Vốn chủ sở hữu (đồng)</b>	<b>100.361.413.898.540</b>	<b>124.067.755.282.419</b>
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	41.268.833.001.584	51.638.603.001.584
-	Vốn khác	578.060.154.366	578.060.154.366
-	Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	42.872.070.987.619	42.876.507.539.576
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.071.099.001.800	27.406.375.196.789
-	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	223.103.532.981	223.103.532.981
-	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.348.247.220.190	1.345.105.857.123
2	<b>Tổng số nợ phải trả (đồng)</b>	<b>1.944.344.687.879.220</b>	<b>2.110.786.463.549.490</b>
-	Nợ vay ngân hàng	938.236.496.120	1.151.239.185.646
-	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	50.928.877.000.000	54.791.204.000.000
+	<i>Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước</i>	<i>15.582.200.000.000</i>	<i>14.442.200.000.000</i>
+	<i>Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước</i>	<i>35.346.677.000.000</i>	<i>40.349.004.000.000</i>
+	<i>Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
-	Nợ phải trả khác	1.892.477.574.383.100	2.054.844.020.363.844
+	<i>Tiền gửi Kho bạc Nhà nước</i>	<i>892.387.545.578</i>	<i>794.621.039.849</i>
+	<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>2.189.173.298.286</i>	<i>37.506.763.758.359</i>
+	<i>Tiền gửi của khách hàng</i>	<i>1.817.271.029.559.755</i>	<i>1.914.664.361.133.410</i>
+	<i>Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác</i>	<i>1.628.985.695.459</i>	<i>0</i>
+	<i>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro</i>	<i>3.736.981.679.277</i>	<i>2.644.488.316.383</i>
+	<i>Phát hành giấy tờ có giá</i>	<i>9.630.160.629.222</i>	<i>53.355.336.598.222</i>
+	<i>Các khoản nợ khác</i>	<i>57.128.855.975.523</i>	<i>45.878.449.517.621</i>
3	<b>Cơ cấu vốn (lần)</b>		
-	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,95	0,94

068  
GÂN  
ING  
PHÁ  
IÔNG  
VIỆT  
ĐINH

*Handwritten signature*

-	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	19,37	17,01
<b>4</b>	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
-	Hệ số thanh toán nhanh (tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
-	Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	N/A	N/A
<b>5</b>	<b>Dư nợ trái phiếu đã phát hành/Vốn chủ sở hữu (lần)</b>		
-	Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/Vốn chủ sở hữu	0,51	0,44
-	Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,12
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận (đồng)</b>		
-	Lợi nhuận trước thuế	25.641.133.247.187	27.574.774.406.007
-	Lợi nhuận sau thuế	20.521.363.059.796	22.067.274.865.408
-	Lỗ lũy kế (nếu có)	N/A	N/A
<b>7</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</b>		
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,00%	0,99%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,45%	17,79%
<b>8</b>	<b>Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (%)</b>		
-	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (%)	9,2%	11,35%*
-	Tỷ lệ an toàn tài chính khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	N/A	N/A

(Các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện)

\* Theo số liệu báo cáo trước kiểm toán

*[Handwritten signature]*

174-  
HÀNG  
IGHIẾ  
T TRIẾ  
THÓN  
NAM  
- TP. Y

**3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:**

- Tên tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH KPMG
- Ý kiến của tổ chức kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

Cán bộ lập biểu: Đào Việt Anh

Lãnh đạo phòng kiểm soát: Phạm Việt Phương

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Ban Kiểm soát (để b/c);
- Lưu: VP, KDVTT. (13 MB)

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐOÀN NGỌC LƯU**

